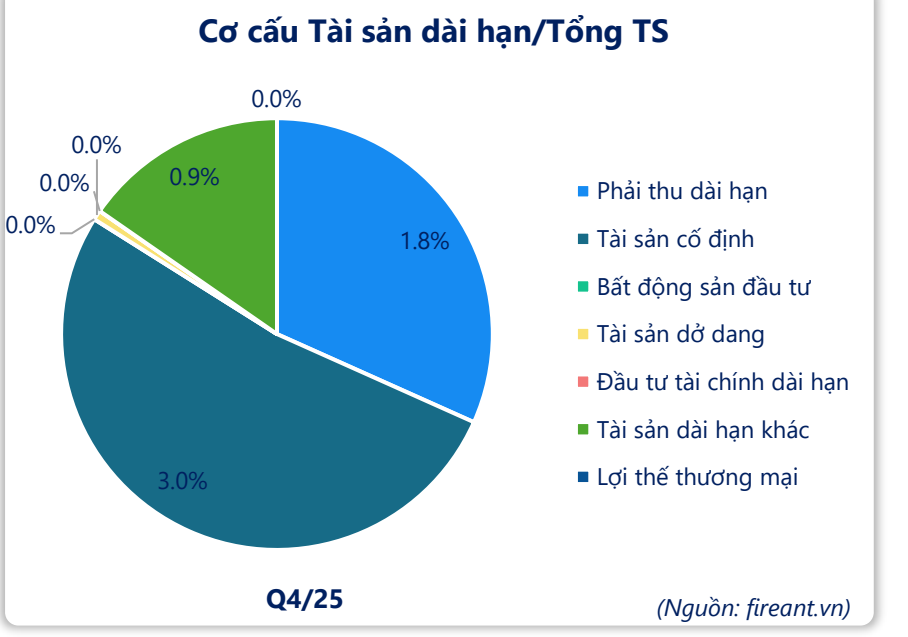
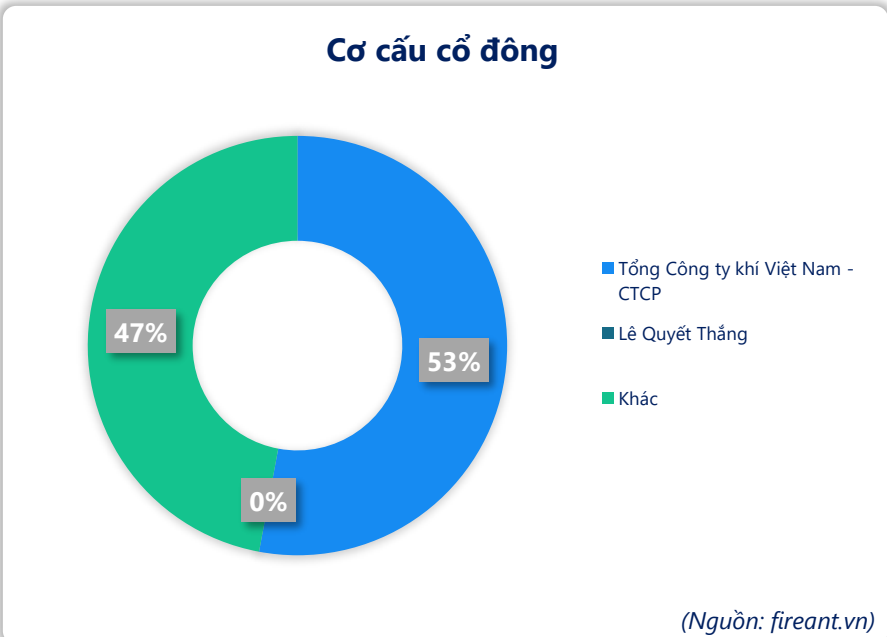
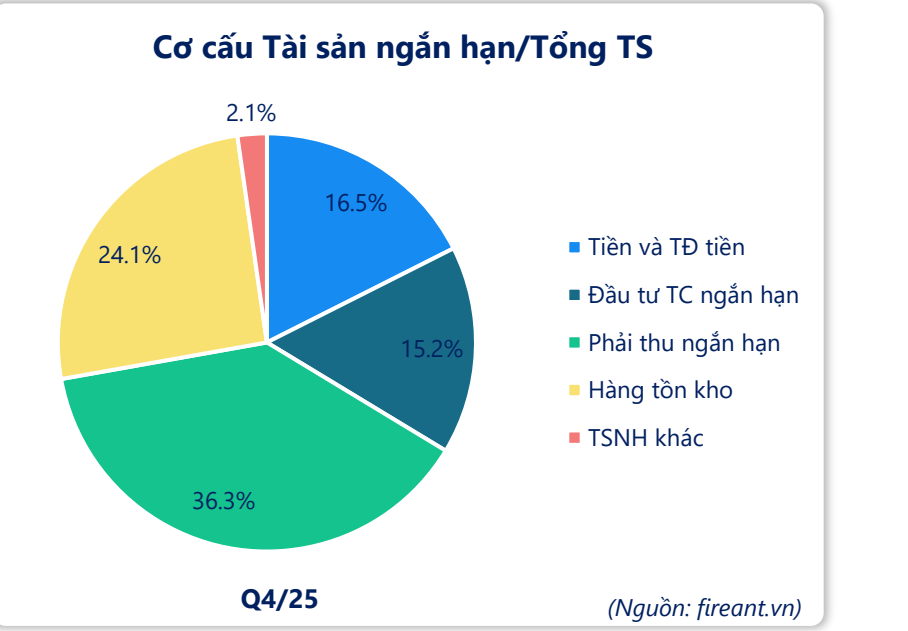
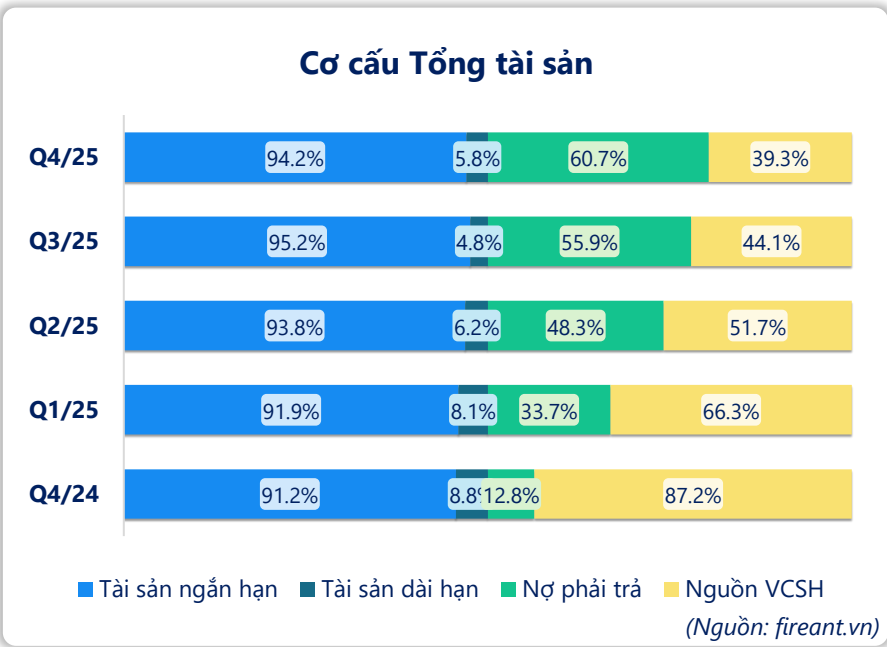
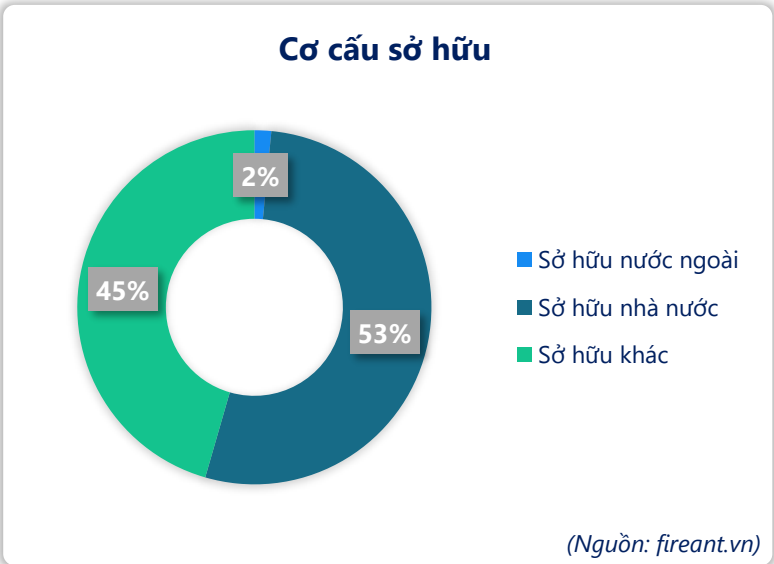
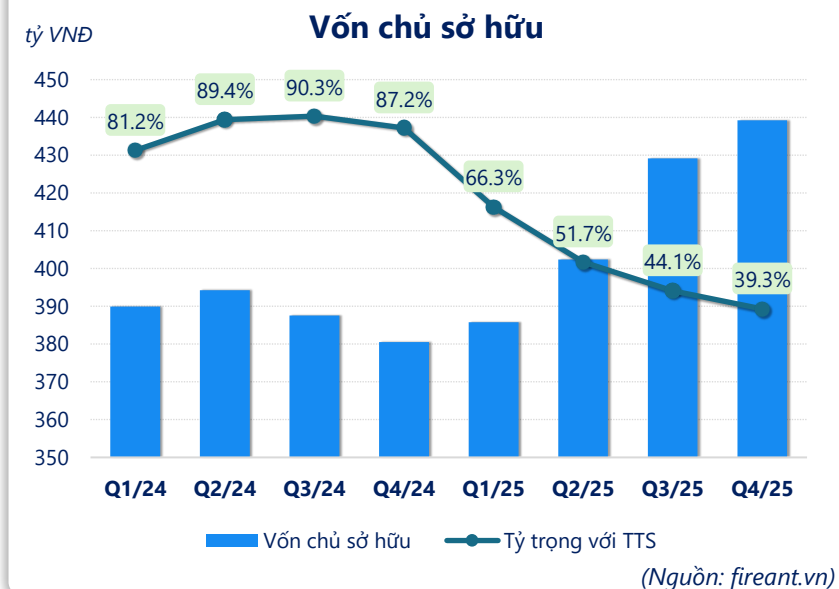
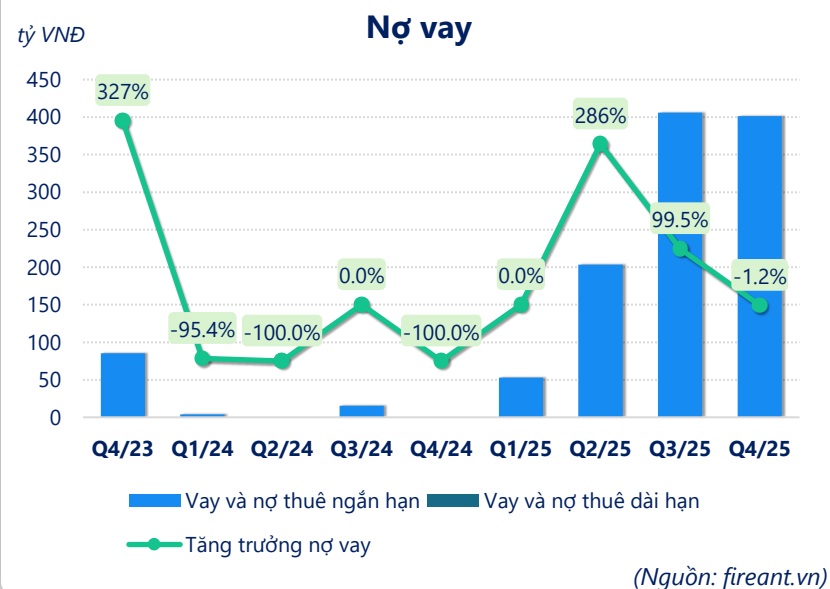
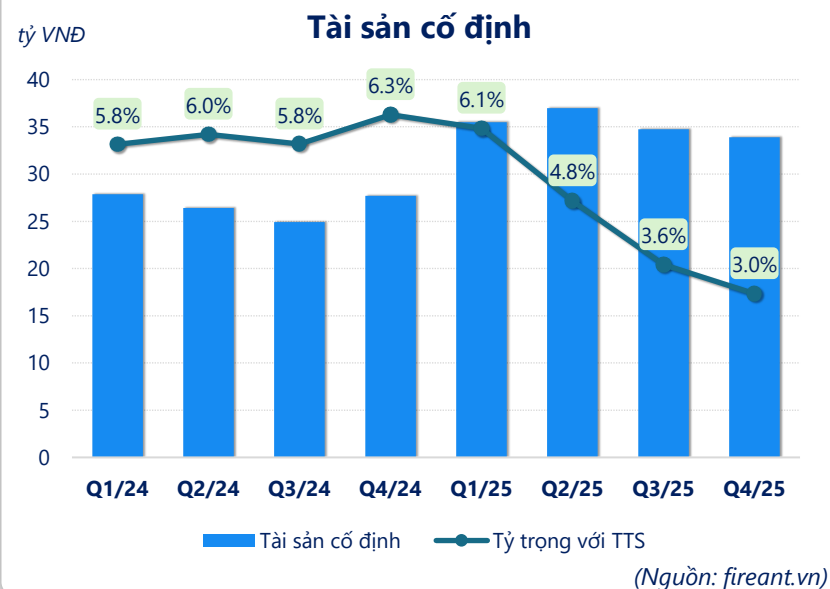
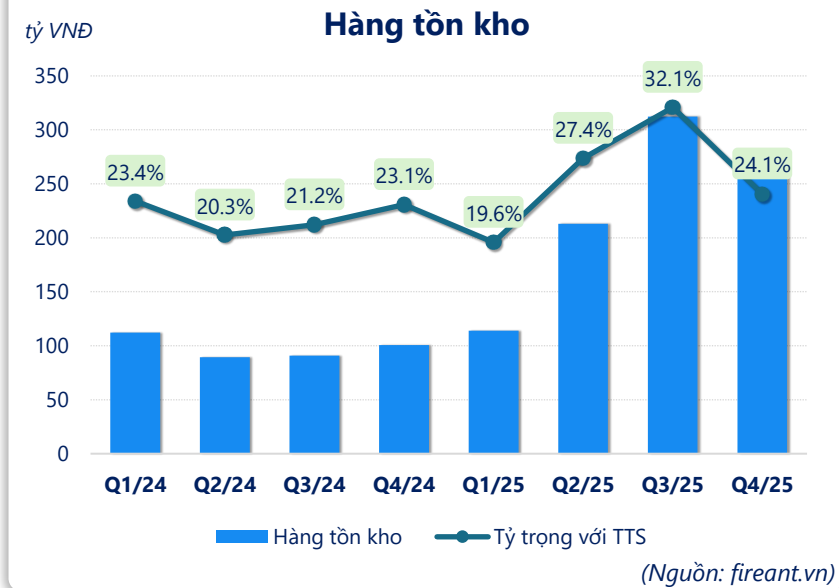
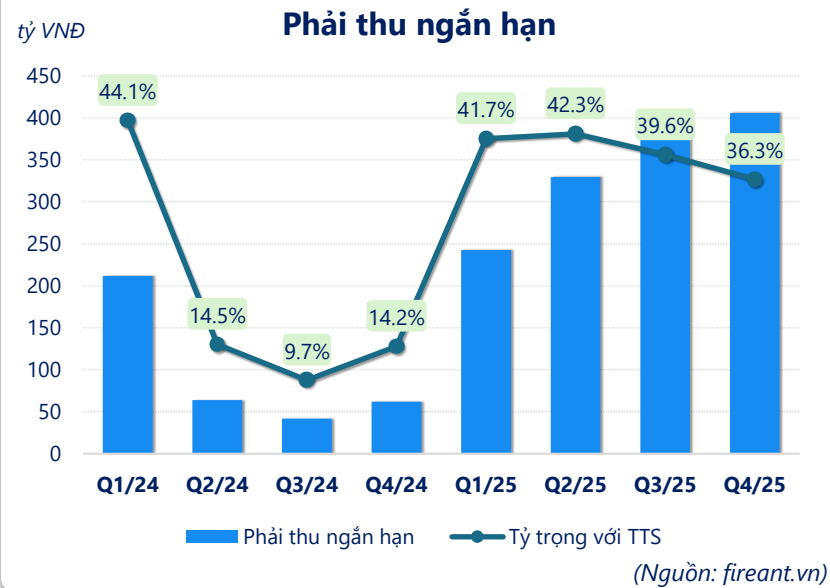
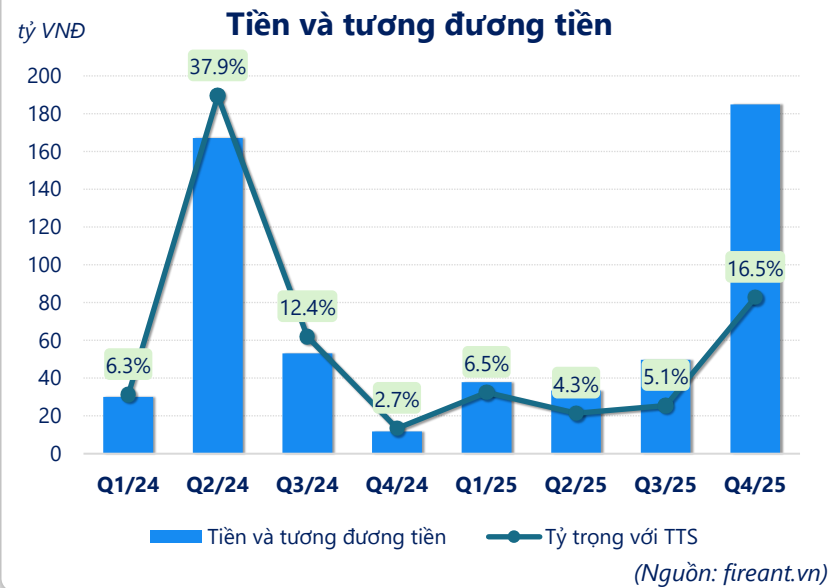
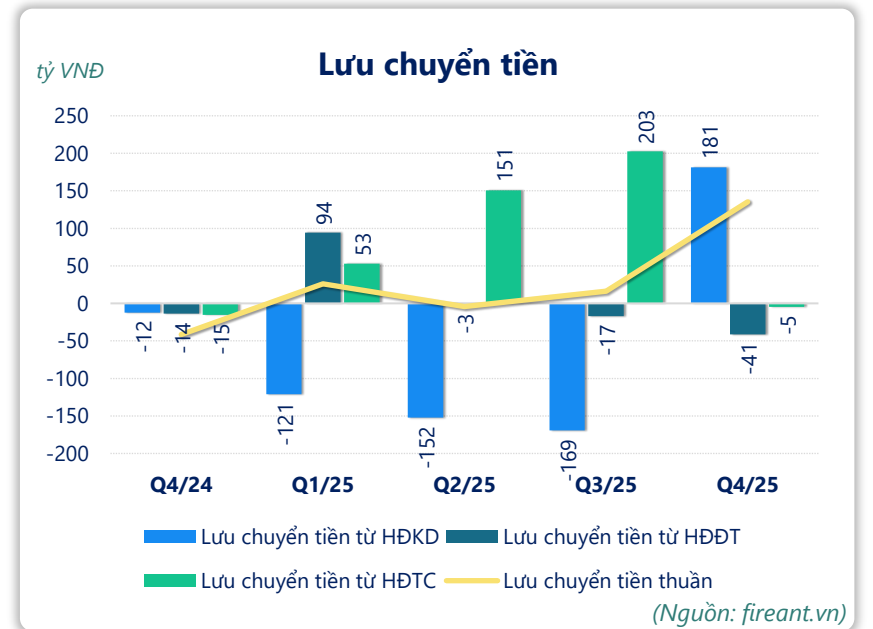
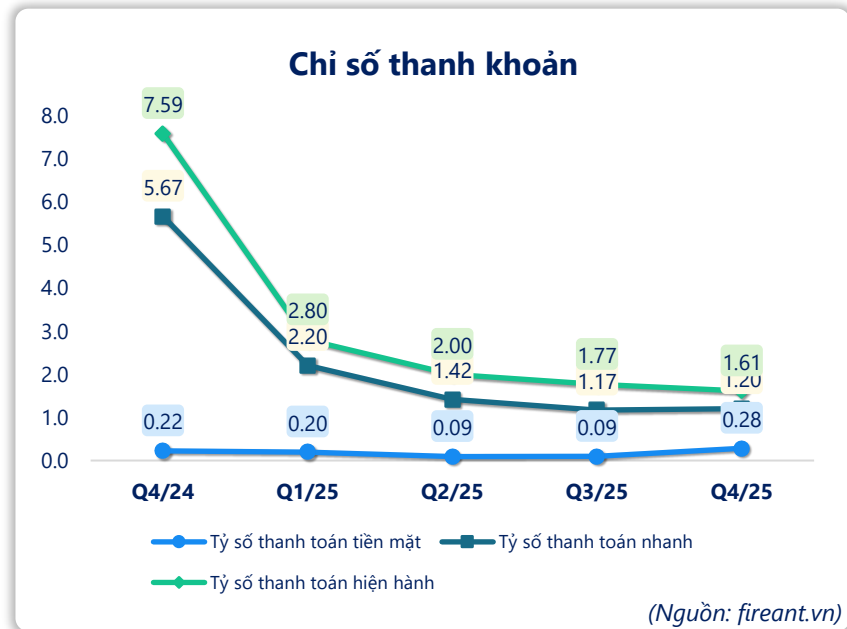
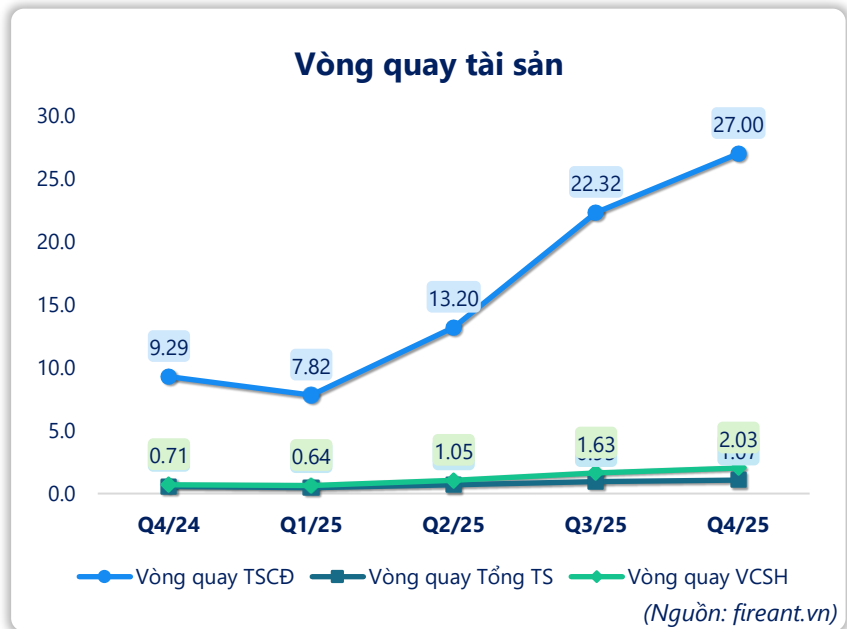
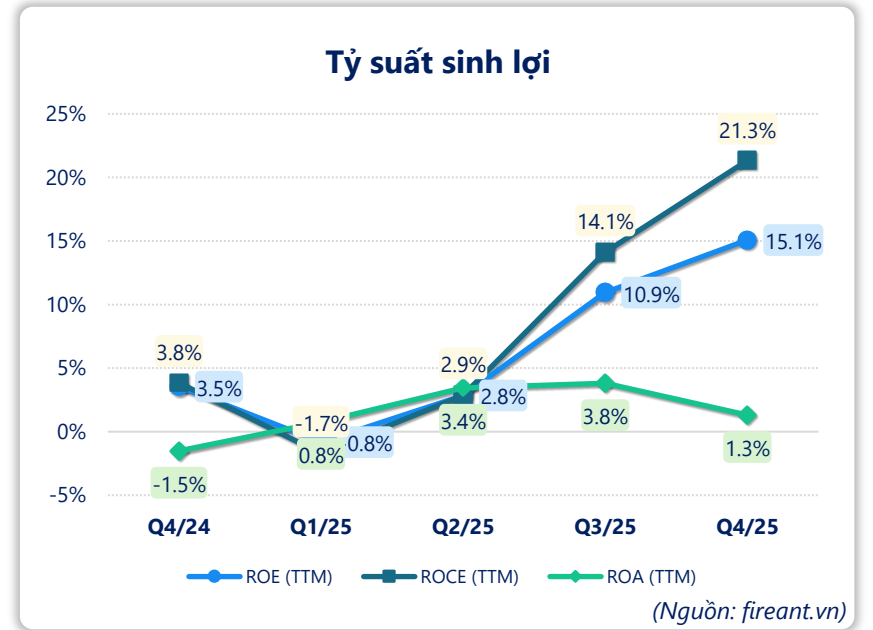
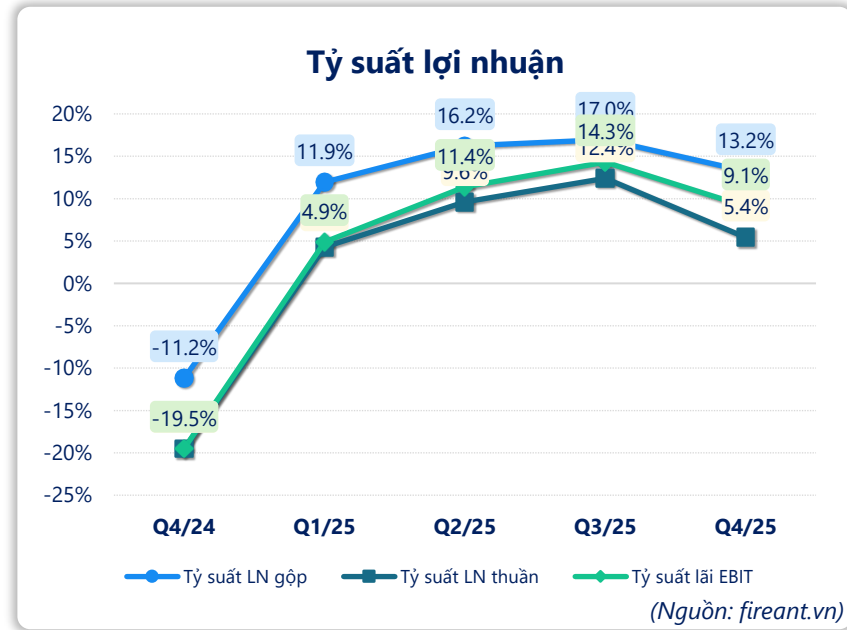
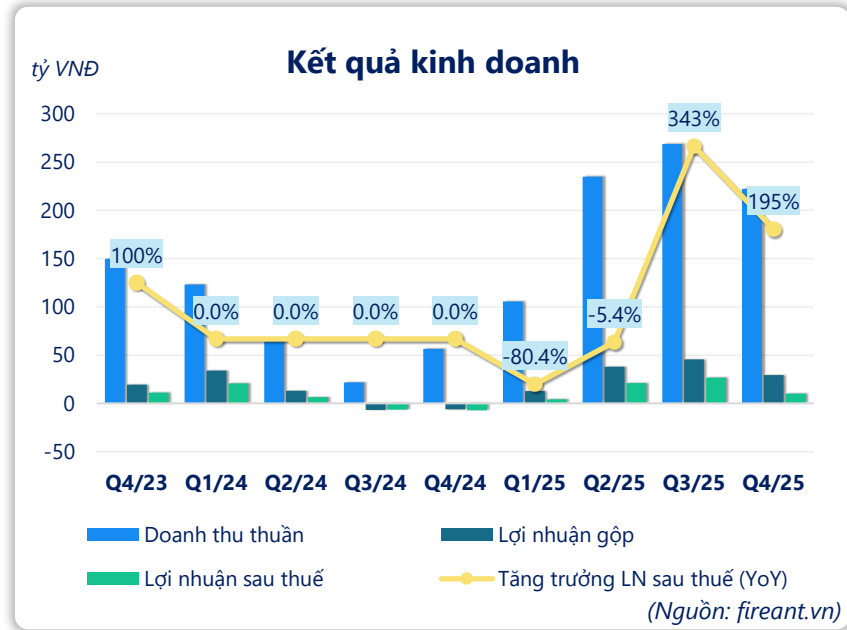


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,600
SL cổ phiếu LH		21,599,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		246,735
% sở hữu nước ngoài		1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		773
P/E		12.5
EPS		2,861

	YTD	1T	3T	6T
PVB	19.3%	25.2%	22.6%	17.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,118	454	146%
Tài sản ngắn hạn	1,053	415	154%
Tiền và tương đương tiền	185	11.7	1480%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	170	210	-19.3%
Phải thu ngắn hạn	406	78.4	417%
Hàng tồn kho	269	101	167%
Tài sản ngắn hạn khác	23.8	13.7	73.2%
Tài sản dài hạn	64.9	39.4	64.5%
Phải thu dài hạn	20.6	0.03	60908%
Tài sản cố định	33.9	27.7	22.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.47	0.02	2014%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.95	11.7	-14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	679	72.2	840%
Nợ ngắn hạn	652	68.8	848%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	401	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	48.4	43.2	12.0%
Nợ dài hạn	26.2	3.40	670%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	439	382	15.0%
Vốn chủ sở hữu	439	382	15.0%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	56.4	106	235	269	222
Giá vốn hàng bán	62.7	93.0	197	223	193
Lợi nhuận gộp	-6.30	12.6	38.1	45.6	29.4
Doanh thu HĐTC	2.36	1.54	1.68	4.77	1.83
Chi phí TC	0.29	0.27	5.15	5.60	7.16
Chi phí lãi vay	0.00	0.13	2.20	5.08	7.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.77	9.38	12.0	11.4	12.1
LN thuần từ HĐKD	-11.0	4.51	22.5	33.3	12.0
Lợi nhuận khác	0.02	0.52	2.02	0.05	1.01
LN trước thuế	-11.0	5.03	24.6	33.4	13.1
Lợi nhuận sau thuế	-7.05	4.02	21.0	26.7	10.1
LNST của CĐ cty mẹ	-7.05	4.02	21.0	26.7	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	-121	-152	-169	181
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.7	94.3	-2.90	-16.9	-41.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.5	52.8	151	203	-4.73
Tiền đầu kỳ	53.1	11.7	37.8	33.4	49.6
Lưu chuyển tiền thuần	-41.4	26.1	-4.36	16.2	135
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	11.7	37.8	33.4	49.6	185

(Nguồn: fireant.vn)